

ĐẠI HỌC DUY TÂN
TRUNG TÂM TIN HỌC

BẢNG ĐIỂM HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT ĐỢT 1 THÁNG 12/2025
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN CƠ BẢN

Thời gian: 17h45 * Ngày thi: 15/12/2025

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
						KTC	THUD	KẾT QUẢ	
1	28210200071	Phan Văn An	18/10/2004	Quảng Nam	31CBN9	9.7	8.0	Đạt	
2	28218100530	Nguyễn Văn Quốc An	23/02/2004	Quảng Nam	31CBN9	4.3	3.0	Không Đạt	
3	28204642633	Nguyễn Thị Kim Anh	05/12/2004	Đắk Lắk	31CBN9	9.7	8.5	Đạt	
4	28212326941	Phan Quyền Anh	20/02/2004	Đàklak	31CBN9	10.0	9.5	Đạt	
5	28211145061	Nguyễn Nho Chính	21/04/2004	Quảng Nam	31CBN9	8.3	5.8	Đạt	
6	28212448089	Trần Thanh Cường	06/04/2004	Quảng Nam	31CBN9	7.7	9.0	Đạt	
7	28212452708	Lê Đức Dương	04/09/2004	Nghệ An	31CBN9	8.0	10.0	Đạt	
8	28209440371	Nguyễn Thị Thu Hà	11/07/2004	Quảng Nam	31CBN9	9.3	9.3	Đạt	
9	28204706232	Nguyễn Hồ Thị Khánh Hiền	26/06/2004	Đà Nẵng	31CBN9	9.7	8.0	Đạt	
10	28204851725	Đỗ Đặng Quỳnh Linh	26/07/2004	Đà Nẵng	31CBN9	9.3	9.0	Đạt	
11	28204805111	Đinh Trần An Na	25/09/2004	Quảng Bình	31CBN9	4.7	4.0	Không Đạt	
12	28214754224	Đặng Phước Nghĩa	21/04/2004	Quảng Ngãi	31CBN9	8.3	8.5	Đạt	
13	28206501770	Phạm Thị Ngọc	03/10/2004	Quảng Ngãi	31CBN9	9.3	7.5	Đạt	
14	28206205383	Phạm Bảo Yến Nhi	04/12/2004	Đắk Nông	31CBN9	0.0	0.0	Không Đạt	
15	28204634901	Nguyễn Diễm Quỳnh	09/12/2004	QUẢNG NG	31CBN9	6.3	5.0	Đạt	
16	28214731173	Văn Đức Thắng	24/01/2004	Nghệ An	31CBN9	9.3	9.5	Đạt	
17	28205205418	Vô Hoài Thu	22/10/2004	Quảng Ngãi	31CBN9	9.7	5.0	Đạt	
18	27204130907	Nguyễn Lê Bảo Trân	13/04/2003	Đà Nẵng	31CBN9	8.7	10.0	Đạt	
19	28204639786	Trần Thảo Uyên	09/04/2004	Đà Nẵng	31CBN9	9.3	8.0	Đạt	
20	28214853951	Hồ Quốc Việt	21/08/2004	Nghệ An	31CBN9	7.3	6.3	Đạt	
21	28219405845	Phan Trung Nguyên Vũ	03/10/2004	Buôn Ma Thu	31CBN9	5.3	3.9	Không Đạt	
22	27202730807	Phạm Thị Huyền Vy	07/03/2003	Quảng Nam	31CBN9	9.3	7.3	Đạt	
23	28204603626	Lê Trần Khánh Vy	14/02/2004	Quảng Trị	31CBN9	0.0	5.3	Không Đạt	
24	29207429626	Vô Thị Diệu	28/08/2005	Quảng Ngãi	31CHT9	10.0	9.8	Đạt	
25	29207437150	Trần Thị Lệ Hằng	16/06/2005	Quảng Bình	31CHT9	9.7	8.5	Đạt	
26	28206546317	Phạm Thị Hồng Hạnh	22/07/2004	Quảng Nam	31CHT9	9.7	8.8	Đạt	
27	28204306880	Ngô Thị Minh Huyền	24/09/2004	Đà Nẵng	31CHT9	7.0	7.0	Đạt	
28	28204724602	Bạch Thị Ngọc Huyền	04/09/2004	Quảng Ngãi	31CHT9	6.7	6.3	Đạt	
29	29207438154	Ngô Lê Minh Huyền	01/01/2005	Điện Bàn	31CHT9	8.3	9.3	Đạt	
30	29217364660	Huỳnh Lê Tuấn Kỳ	20/09/2005	Đà Nẵng	31CHT9	8.0	9.5	Đạt	
31	28204953777	Nguyễn Thuý Liễu	28/03/2004	Quảng Ngãi	31CHT9	9.3	8.5	Đạt	
32	28204605265	Nguyễn Thị Loan	19/02/2004	Đàklak	31CHT9	10.0	9.5	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
						KTC	THUD	KẾT QUẢ	
33	28208002509	Phan Thị Cẩm Ly	20/05/2004	Gia Lai	31CHT9	9.0	10.0	Đạt	
34	28214641933	Bùi Nguyễn Bảo Ngọc	24/09/2004	Đà Nẵng	31CHT9	5.3	8.0	Đạt	
35	28204604949	Nguyễn Thị Thanh Nhân	21/12/2004	Thừa Thiên H	31CHT9	8.7	9.3	Đạt	
36	28204633832	Huỳnh Thị Từ Ny	24/02/2004	Đà Nẵng	31CHT9	10.0	7.5	Đạt	
37	27202702638	Thái Thị Minh Phương	17/04/2003	Đà Nẵng	31CHT9	7.7	7.5	Đạt	
38	28204603810	Lê Ngọc Thiên Quỳnh	10/03/2004	Phú Yên	31CHT9	0.0	0.0	Không Đạt	
39	28204604974	Hồ Thị Hồng Thắm	23/04/2004	Hà Tĩnh	31CHT9	7.7	9.5	Đạt	
40	29207456325	Nguyễn Thị Minh Thư	28/02/2005	Đắk Lắk	31CHT9	9.3	9.5	Đạt	
41	29207539092	Nguyễn Thị Thu Thuý	18/03/2005	Quảng Nam	31CHT9	9.3	9.0	Đạt	
42	29204638298	Nguyễn Ngọc Mai Trâm	20/06/2005	Quảng Nam	31CHT9	5.0	9.5	Đạt	
43	28204749529	Lê Thị Huyền Trân	04/05/2004	Quảng Nam	31CHT9	7.0	7.5	Đạt	
44	28204903743	Đặng Trần Bảo Trân	02/01/2004	Phú Yên	31CHT9	8.7	5.3	Đạt	
45	28208002374	Trần Thị Thủy Tú	17/05/2004	Quảng Nam	31CHT9	8.3	3.0	Không Đạt	
46	29215151499	Trương Hoàng Vũ	28/08/2005	Quảng Bình	31CHT9	0.0	0.0	Không Đạt	
47	28218005091	Nguyễn Gia Bảo	30/01/2004	Quảng Nam	31TYC14	8.7	8.5	Đạt	
48	29204354434	Nguyễn Thị Ngọc Diệu	15/07/2005	Bình Định	31TYC14	10.0	8.8	Đạt	
49	24207108486	Nguyễn Thị Thuý Dương	11/04/2000	Đà Nẵng	31TYC14	5.3	4.1	Không Đạt	
50	28204844962	Phan Thị Thanh Hằng	02/04/2004	Đà Nẵng	31TYC14	9.3	10.0	Đạt	
51	28208402533	Trần Ánh Hồng	27/11/2004	Thanh Hoá	31TYC14	6.3	8.5	Đạt	
52	25215412110	Nguyễn Khắc Hưng	13/01/2001	GIA LAI	31TYC14	9.7	7.5	Đạt	
53	29206240845	Bùi Thị Huyền	20/05/2005	Quảng Nam	31TYC14	10.0	8.0	Đạt	
54	29204335727	Trần Khánh Linh	19/05/2005	Đà Nẵng	31TYC14	10.0	9.5	Đạt	
55	27211329164	Phan Tuấn Long	27/03/2003	Kon Tum	31TYC14	8.7	9.5	Đạt	
56	29208243262	Đặng Thị Ly Na	18/09/2005	Quảng Nam	31TYC14	8.0	2.8	Không Đạt	
57	28208000472	Kỳ Thị Kim Ngân	10/03/2004	Hải Dương	31TYC14	9.3	7.8	Đạt	
58	29206853143	Phan Minh Nguyệt	15/12/2005	Đà Nẵng	31TYC14	10.0	9.5	Đạt	
59	28207354023	Nguyễn Thị Quỳnh Như	23/07/2004	Tây Ninh	31TYC14	9.3	9.5	Đạt	
60	28204302236	Hoàng Thị Ngọc Oanh	20/02/2004	Quảng Trị	31TYC14	5.0	5.5	Đạt	
61	28208027341	Hà Kiều Oanh	07/12/2004	Đà Nẵng	31TYC14	4.7	3.0	Không Đạt	
62	29206755810	Võ Hồng Oanh	22/01/2005	Đắk Lắk	31TYC14	10.0	7.3	Đạt	
63	28217351707	Lưu Nguyễn Hồng Phúc	05/07/2004	Tây Ninh	31TYC14	7.7	7.3	Đạt	
64	28206752579	Lương Huệ Phương	29/07/2004	Đà Nẵng	31TYC14	6.0	3.3	Không Đạt	
65	29206221916	Võ Thiên Thanh	28/09/2005	Kon Tum	31TYC14	8.7	8.0	Đạt	
66	28206600747	Nguyễn Thái Anh Thư	01/04/2004	Thừa Thiên H	31TYC14	8.3	9.3	Đạt	
67	28206621490	Bùi Thị Anh Thư	27/11/2004	Quảng Ngãi	31TYC14	5.3	8.8	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
						KTC	THUD	KẾT QUẢ	
68	28206254655	Đỗ Thu Trâm	22/07/2004	Đà Nẵng	31TYC14	9.3	9.0	Đạt	
69	28206822952	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	12/05/2004	Bình Định	31TYC14	7.0	4.0	Không Đạt	
70	28216846313	Lê Minh Uyên	17/04/2004	Đà Nẵng	31TYC14	4.0	1.5	Không Đạt	
71	31207357728	Nguyễn Diệu Ý	23/10/2007	Gia Lai	31TYC14	9.3	8.8	Đạt	
72	28207101412	Trương Kim Yển	21/10/2004	Quảng Nam	31TYC14	2.3	2.8	Không Đạt	
73	28214552364	Lý Võ Lâm	24/08/2004	Bình Định	31CBN7	8.7	6.3	Đạt	
74	28214101119	Nguyễn Đắc Tuấn Anh	26/01/2004	Thanh Hóa	31CBN8	8.0	6.5	Đạt	
75	27217001767	Hồ Hữu Nhân	20/04/2003	Thanh Hóa	31CHT8	5.3	5.3	Đạt	
76	28204904540	Tôn Nữ Thị Thùy Trâm	27/06/2004	Đà Nẵng	31CSC8	5.0	7.5	Đạt	
77	27214720590	Đặng Nam Khánh	14/05/2003	Quảng Nam	31CYC7	6.0	8.5	Đạt	
78	28204933869	Lê Thị Trang	03/03/2004	Hà Tĩnh	31CYC8	5.7	2.4	Không Đạt	
79	28208151980	Phan Ngọc Xuân Hân	01/10/2004	Bình Định	31SSC6	9.7	5.3	Đạt	
80	28212751825	Trần Việt Hùng	18/09/2004	Bình Định	31SSC6	9.0	8.8	Đạt	
81	28218151935	Phạm Quang Tiệp	13/11/2004	Hưng Yên	31SSC6	8.3	7.3	Đạt	
82	28214600749	Trương Văn Hiên	17/01/2004	Quảng Nam	31TBN13	6.3	5.3	Đạt	
83	28205149987	Nguyễn Thị Thanh Hoài	04/11/2004	Đắk Lắk	31TBN13	6.0	6.0	Đạt	
84	28208002645	Võ Thị Lệ Quyên	10/08/2004	Quảng Nam	31TBN13	4.0	1.8	Không Đạt	
85	28218130469	Đinh Gia Quân	30/11/2004	Đà Nẵng	31THT11	6.7	5.8	Đạt	
86	28219604274	Nguyễn Bảo Khang	21/03/2004	Quảng Ngãi	31THT12	9.3	7.3	Đạt	
87	28204349843	Nguyễn Thị Thùy Linh	25/04/2003	Quảng Nam	31THT12	7.7	5.0	Đạt	
88	28204900866	Nguyễn Thị Như Ý	21/07/2004	Đắk Nông	31THT13	5.0	5.5	Đạt	
89	28207151457	Lương Thị Thanh Tiền	25/05/2004	Đà Nẵng	31TSC11	5.3	4.1	Không Đạt	
90	28206549501	Nguyễn Thị Thu Hà	02/05/2004	Đắk Lắk	31TSC9	5.0	3.5	Không Đạt	
91	28206206177	Lê Thị Kim Ngân	25/03/2004	Quảng Ngãi	31TSC9	5.0	2.5	Không Đạt	
92	28206501925	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	25/10/2004	Hồ Chí Minh	31TSC9	6.0	5.8	Đạt	
93	28206750962	Lê Thị Lệ Quyên	28/12/2004	Gia Lai	31TYC12	9.7	6.5	Đạt	
94	28206841890	Nguyễn Thị Thanh Thảo	11/01/2004	Đà Nẵng	31TYC12	8.0	6.3	Đạt	
95	28208000084	Trần Thị Thu Thương	26/08/2004	Đà Nẵng	31TYC12	9.7	6.8	Đạt	

TRUNG TÂM TIN HỌC

(Đã ký)

Dương Trương Quốc Khánh